



ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

NHIỀU TÁC GIẢ

**KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA**  
**GIÁO DỤC MẦM NON**  
**TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0**  
**HUẾ, 09/3/2019**

PROCEEDINGS OF THE NATIONAL SCIENTIFIC CONFERENCE:  
“PRE-SCHOOL EDUCATION IN THE FOURTH INDUSTRIAL REVOLUTION”  
HUE, MARCH 09, 2019



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ



**ĐẠI HỌC HUẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

---

**NHIỀU TÁC GIẢ**

**KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA**  
**GIÁO DỤC MẦM NON TRONG BỐI CẢNH**  
**CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0**  
**HUẾ, 09/3/2019**

**PROCEEDINGS OF THE NATIONAL SCIENTIFIC CONFERENCE:**  
**“PRE-SCHOOL EDUCATION IN THE FOURTH INDUSTRIAL**  
**REVOLUTION”**  
**HUE, MARCH 09, 2019**

**NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ**  
**Huế, 2019**

**Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam**

Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Giáo dục mầm non trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 = Proceedings of the national scientific conference: Pre-school education in the fourth industrial revolution / Vũ Kiều Anh, Nguyễn Minh Anh, Trương Thị Kim Oanh... - Huế : Đại học Huế, 2019. - 297tr. ; 30cm

ĐTTS ghi: Đại học Huế. Trường Đại học Sư phạm. - Thư mục cuối mỗi bài

1. Giáo dục mẫu giáo 2. Hội thảo Quốc gia 3. Việt Nam 4. Kỷ yếu hội thảo  
372.2109597 - dc23

DUH0214p-CIP

|                                                                                       |            |
|---------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ RÈN LUYỆN KỸ NĂNG TIỀN ĐỌC CHO TRẺ 5-6 TUỔI .....</b>     | <b>238</b> |
| SOME THEORETICAL ISSUES ABOUT PRACTISING PRE-READING SKILLS FOR 5-6-YEAR-OLD CHILDREN |            |

*Nguyễn Thị Triều Tiên*

|                                                                |            |
|----------------------------------------------------------------|------------|
| <b>DIARY KID - PHẦN MỀM HỖ TRỢ QUẢN LÝ TRƯỜNG MẦM NON.....</b> | <b>246</b> |
| DIARY KID - THE SOFTWARE SUPPORT ADMINISTRATING KINDERGARTEN   |            |

*Lê Quang Tuấn, Nguyễn Thị Thúy Hạnh*

|                                                                                                 |            |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>THỰC HÀNH TỈNH TÂM CHO TRẺ EM LỨA TUỔI MẦM NON - NHÌN TỪ CÁC NGHIÊN CỨU THỰC CHỨNG .....</b> | <b>257</b> |
| MINDFUL AWARENESS PRACTICES FOR PRE-SCHOOLERS - FROM AN EVIDENCE-BASED RESEARCH PERSPECTIVE     |            |

*Nguyễn Phước Cát Tường, Trần Thị Tú Anh, Đinh Thị Hồng Vân, Nguyễn Tuấn Vĩnh*

|                                                                                                                                                  |            |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>TƯƠNG QUAN GIỮA VIỆC TIẾP XÚC SỚM VỚI MÀN HÌNH VÀ CHẠM PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ Ở TRẺ MẦM NON: TỔNG QUAN TỪ MỘT SỐ NGHIÊN CỨU NƯỚC NGOÀI .....</b> | <b>270</b> |
| RELATIONSHIP BETWEEN EARLY EXPOSURE TO SCREEN AND LANGUAGE DELAY IN PRESCHOOLERS: A REVIEW OF THE INTERNATIONAL RESEARCH                         |            |

*Nguyễn Bảo Uyên*

|                                                 |            |
|-------------------------------------------------|------------|
| <b>KỸ NĂNG TỰ PHỤC VỤ CỦA TRẺ 4-5 TUỔI.....</b> | <b>278</b> |
| SELF - HELP SKILLS OF 4-5 YEAR-OLD CHILDREN     |            |

*Nguyễn Tuấn Vĩnh, Nguyễn Thị Thảo*

|                                                                                                                          |            |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ Ở TRƯỜNG MẦM NON THEO HƯỚNG LẤY TRẺ LÀM TRUNG TÂM. ....</b> | <b>287</b> |
| DEVELOPING CAPACITY ORGANIZING THE LANGUAGE DEVELOPMENT ACTIVITY IN KINDERGARTEN TOWARDS CHILD-CENTERED APPROACH         |            |

*Trần Thị Hoàng Yến*

## KỸ NĂNG TỰ PHỤC VỤ CỦA TRẺ 4-5 TUỔI

**Nguyễn Tuấn Vĩnh**

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

*nguyentuanvinh@dhsphue.edu.vn*

**Nguyễn Thị Thảo**

Trường Mầm non An Hoà, Thành phố Huế

*thaotaonguyen92@gmail.com*

**Tóm tắt:** Kỹ năng tự phục vụ (KN TPV) là một trong những kỹ năng sống (KNS) có vai trò quan trọng đối với cá nhân mỗi người, đặc biệt trẻ ở lứa tuổi 4-5. Kết quả nghiên cứu trên 60 trẻ 4-5 tuổi ở 2 trường trên địa bàn Thừa Thiên Huế cho thấy KN TPV của trẻ ở độ tuổi này đang bước đầu được hình thành. Tùy độ khó ở mỗi KN cụ thể mà trẻ thực hiện ở các mức độ khác nhau. Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về KN TPV của trẻ theo địa bàn nghiên cứu, nhưng đã tìm thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở một số KN thành phần theo giới tính.

**Từ khóa:** Kỹ năng tự phục vụ, trẻ 4-5 tuổi, giáo dục kỹ năng sống.

### 1. MỞ ĐẦU

KNS là đề tài được quan tâm nghiên cứu nhiều từ cuối thế kỷ XX đến nay, bởi lẽ nó được xác định là yếu tố giữ vai trò quan trọng trong sự thành công của mỗi người. KNS còn có thể được gọi là KN mềm (soft skill)... Có rất nhiều nghiên cứu được tiến hành ở các nước về những KN cơ bản góp phần vào sự thành công của công việc mà trong đó chủ yếu là những KNS (Nguyễn Quang Uẩn, 2009). Giáo dục KNS được tiếp cận và bước đầu triển khai trong hệ thống giáo dục không chính quy ở nước ta cách đây hơn 10 năm, đến nay, cũng đã có một số tài liệu, đề tài nghiên cứu về KNS, như cuốn “*Bạn trẻ và kỹ năng sống*” (Huỳnh Văn Sơn, 2009), “*Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho trẻ mầm non*” (Nguyễn Thị Mỹ Lộc và cs., 2010), “*Giáo trình chuyên đề giáo dục kỹ năng sống*” (Nguyễn Thanh Bình, 2011), “*Giáo dục Kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo*” (Lê Thị Bích Ngọc, 2013)...

Dù là một thành phần quan trọng trong KNS, nhưng, KN TPV ở trẻ lại ít được đi sâu nghiên cứu. KN TPV có nội hàm tương tự một số khái niệm khác trong các nghiên cứu của các nhà khoa học như KN tự chăm sóc (self-care skills), KN độc lập (independent skills)... Karen Stephens (2003) đã nêu nội dung KN TPV của trẻ gồm: rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và sau khi chơi xong, tự ăn, tự đi ngủ, tự mặc quần áo,... và cho rằng thời điểm tốt nhất để GD KN TPV cho trẻ là lúc trẻ có khả năng cầm nắm đồ vật. K. D. Usinski đã có dịp nghiên cứu về KNTPV, nhưng cũng chỉ trong khuôn khổ của việc nghiên cứu khả năng tự lập của trẻ gắn với lao động. Ông cho rằng muốn giáo dục khả năng tự lập trước hết cần phải làm sao cho trẻ có niềm say mê với lao động, phải khơi gợi cho trẻ ý thức tích cực về lao động và con người lao động, phải thúc đẩy trẻ tham gia vào lao động, tập lao động trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, từ những việc đơn giản, tới các việc phức tạp hơn trong khả năng có thể của chúng. Hay Nhechaeva trong “*Giáo dục trẻ mẫu giáo trong lao động*” (1979) đã khẳng định: Lao động tự phục vụ đối với trẻ nhỏ như ăn mặc, vệ sinh cá nhân, giúp người lớn làm những công việc vừa sức,... là biện pháp tốt nhất để hình thành khả năng tự lập cho trẻ. Khi trẻ đã biết lao động TPV thì ít hay nhiều trẻ cũng giảm dần sự phụ thuộc vào người lớn. Từ năm 1999 đến nay, chỉ một số ít luận văn thạc sỹ, luận án tiến sỹ liên quan tới KNTPV của trẻ được thực hiện. Ngoài ra, cũng có một số tác giả nghiên cứu về KNTPV cụ thể như KN tự xúc ăn, KN tự mặc áo quần,... hoặc cũng có thể là một KN nhỏ trong các KN này. Đồng thời,

tất cả những công trình nghiên cứu của các tác giả mới đi sâu vào nghiên cứu tính tự lực, tính độc lập của trẻ, chưa đề cập tới KNTPV của trẻ 4-5 tuổi ở trường mầm non, và những tác giả này cũng chưa đi sâu vào nghiên cứu thực trạng của các trường mầm non cụ thể để đưa ra biện pháp giáo dục nhằm phát triển KNTPV cho trẻ.

## 2. KHÁCH THỂ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Khách thể nghiên cứu

Khách thể trong nghiên cứu này là 60 trẻ 4-5 tuổi ở Mầm non 2, thành phố Huế và trường Mầm non Hương Hồ, huyện Hương Trà, Thừa Thiên Huế.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu là điều tra bằng bảng hỏi thông quan phỏng vấn phụ huynh. Bảng hỏi gồm 15 item đánh giá 13 KN thuộc 3 nhóm: KNTPV trong vệ sinh cá nhân; KNTPV trong ăn uống và KNTPV trong trang phục. Mỗi KN được liệt kê theo mức độ biểu hiện cao nhất là TPV hoàn toàn đến mức độ biểu hiện thấp nhất là hoàn toàn không thể tự mình thực hiện. Phỏng vấn phụ huynh từ mức độ cao nhất và dừng lại ở mức độ trẻ có hành vi thực hiện KN đó.

Kiểm định chỉ số Cronbach's Alpha toàn bảng hỏi trên toàn bộ mẫu đạt 0,91. Như vậy, độ tin cậy của công cụ nghiên cứu đảm bảo.

Sử dụng phần mềm SPSS 20.0 để tính toán số lượng, tỷ lệ (%) và kiểm định phi tham số Mann-Whitney.

## 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 3.1. Kỹ năng tự phục vụ trong vệ sinh cá nhân

KNTPV trong vệ sinh cá nhân được thể hiện qua các công việc cụ thể sau: rửa tay, tắm, đánh răng, chải tóc, đi vệ sinh. Kết quả khảo sát được thể hiện trong bảng số liệu dưới đây:

Bảng 1. Kết quả đánh giá KNTPV trong vệ sinh cá nhân

| Kỹ năng                                           | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Thứ bậc |
|---------------------------------------------------|----------|-----------|---------|
| <b>Kỹ năng rửa tay</b>                            |          |           |         |
| Rửa tay sạch sẽ, đúng quy trình tại các thời điểm | 10       | 16,7      | 3       |
| Rửa tay sạch sẽ, đúng quy trình khi có nhắc nhở   | 28       | 46,7      | 1       |
| Rửa qua loa khi có người nhắc, cần rửa lại        | 21       | 35,0      | 2       |
| Người lớn rửa giúp hoàn toàn                      | 1        | 1,7       | 4       |
| <b>Kỹ năng tắm</b>                                |          |           |         |
| Tự giác tắm một mình                              | 4        | 6,7       | 4       |
| Tắm một mình khi có người nhắc                    | 15       | 25,0      | 2       |
| Tắm khi có người giúp một phần                    | 33       | 55,0      | 1       |
| Người lớn tắm giúp hoàn toàn                      | 8        | 13,3      | 3       |
| <b>Kỹ năng đánh răng</b>                          |          |           |         |
| Tự giác đánh răng sạch sẽ khi cần thiết           | 4        | 6,7       | 4       |
| Đánh răng khi có người nhắc                       | 21       | 35,0      | 2       |
| Đánh răng khi có người giúp                       | 29       | 48,3      | 1       |
| Người lớn đánh giúp hoàn toàn                     | 5        | 8,3       | 3       |
| Không đánh răng                                   | 1        | 1,7       | 5       |
| <b>Kỹ năng chải tóc</b>                           |          |           |         |
| Tự giác chải tóc                                  | 10       | 16,7      | 4       |
| Chải khi có người nhắc                            | 11       | 18,3      | 3       |

|                                              |    |      |   |
|----------------------------------------------|----|------|---|
| Chải qua loa khi có người nhắc, cần chải lại | 12 | 20,0 | 2 |
| Người lớn chải giúp hoàn toàn                | 17 | 28,3 | 1 |
| Không chải tóc                               | 10 | 16,7 | 4 |
| <b>Kỹ năng đi vệ sinh</b>                    |    |      |   |
| Tự đi trịn vẹn, gọn gàng, sạch sẽ            | 13 | 21,7 | 2 |
| Đi trịn vẹn, gọn gàng, sạch sẽ khi được nhắc | 12 | 20,0 | 3 |
| Đi được khi có người giúp đỡ                 | 32 | 53,3 | 1 |
| Người lớn giúp hoàn toàn, không tự đi được   | 3  | 5,0  | 4 |

### **Kỹ năng rửa tay**

Nhìn chung, trẻ 4-5 tuổi có thể rửa tay sạch sẽ, đúng quy trình nhưng số lượng trẻ tự giác thực hiện còn thấp, phần lớn trẻ chỉ thực hiện khi được nhắc nhở. Điều này cho thấy KN rửa tay của trẻ tốt, tuy nhiên ý thức tự giác thực hiện chưa cao, chưa tự nhận ra nhu cầu rửa tay ở các thời điểm cần thiết. Đây cũng chính là đặc điểm nổi bật của trẻ ở tuổi 4-5, làm tốt các KN mang tính vận động nhưng chưa hình thành được thói quen. Bên cạnh một số trẻ có KN tốt, một số khác chỉ có thể rửa qua loa khi có nhắc nhở và cần rửa lại, đồng nghĩa với việc trẻ còn phụ thuộc nhiều vào người lớn. Đặc biệt, trong số 60 trẻ khảo sát, có 1 trẻ không tự rửa tay được, người lớn rửa giúp hoàn toàn. Chúng tôi có sự tiếp xúc trực tiếp với trẻ này và nhận thấy trẻ thụ động trong tất cả mọi việc, giáo viên làm thay trẻ trong mọi hoàn cảnh (rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn...).

### **Kỹ năng tắm**

Hầu như trẻ 4-5 tuổi chỉ tắm được khi có sự giúp đỡ của người lớn. Cụ thể, hơn một nửa số lượng trẻ tắm được khi có người lớn giúp một phần: dội nước, xoa xà phòng, lau khô... 1/4 trẻ tắm được một mình khi có người nhắc. Trẻ 4-5 tuổi chưa thể làm những công việc gồm nhiều giai đoạn khác nhau do khả năng tập trung chú ý và phân phối sức của trẻ chưa cao. Vì thế, không quá bất ngờ khi có một số trẻ được người lớn tắm giúp hoàn toàn. Đa số phụ huynh cho rằng, trẻ còn nhỏ nên cứ để người lớn tắm thay cho nhanh, không nhất thiết phải yêu cầu trẻ tự tắm. Điều này cho thấy gia đình không tạo cơ hội hình thành KN cho trẻ. Tuy vậy, vẫn có 4 trong tổng số 60 trẻ khảo sát đạt mức cao nhất trong KN tắm: tự giác tắm một mình. Mặc dù có kết quả đánh giá khá tích cực nhưng thực tế trẻ vẫn cần đến sự giúp đỡ của người lớn như chuẩn bị nước (nóng/lạnh), nhắc nhở lau khô, cọ sạch...

### **Kỹ năng đánh răng**

Có thể thấy gần như tất cả trẻ 4-5 tuổi đều đánh răng nhưng số lượng trẻ tự giác thực hiện còn thấp, phần đông cần người lớn nhắc hoặc giúp một phần. Theo quan sát và phỏng vấn trực tiếp, phụ huynh cho biết họ thường giúp trẻ lấy nước, lấy kem sẵn vào bàn chải, hoặc nhắc trẻ không được nuốt nước súc miệng... Đây là một KN không khó đối với trẻ 4-5 tuổi nên ít trường hợp người lớn đánh giúp hoàn toàn. Tuy nhiên, vẫn có một trường hợp trẻ không đánh răng. Giáo viên đứng lớp cho biết trẻ mắc tự kỷ dạng nhẹ nên hầu như không có những KNTPV cần thiết như các bạn cùng tuổi. Đồng thời, gia đình ít quan tâm đến bé nên đến tuổi này mà trẻ vẫn chưa đánh răng dù ở lớp đã được học về cách đánh răng.

### **Kỹ năng chải tóc**

Những con số cụ thể cho thấy KN chải tóc của trẻ được phân bố đều, không tập trung và không có sự chênh lệch lớn ở các mức độ. Nhìn chung, trẻ chải tóc khi có người lớn giúp, nhưng mức độ giúp đỡ khác nhau: người lớn chải giúp hoàn toàn chiếm số lượng lớn nhất, 20% trẻ được người lớn chải giúp một phần, 18,3% trẻ tự chải nhưng có người nhắc. Vẫn có một số ít trẻ tự giác chải tóc, bằng với số lượng này là số trẻ không chải tóc. Tìm hiểu nhóm

trẻ không chải tóc, chúng tôi có kết quả cụ thể như sau: 9/10 trẻ không chải tóc là nam, 1 trẻ còn lại là nữ. Theo phỏng vấn của chúng tôi với phụ huynh trẻ ở nhóm “không chải tóc”, nguyên nhân trẻ không chải tóc là do 9/10 trẻ nam là tóc ngắn, không cần chải, và trường hợp nữ còn lại cũng tóc ngắn. Như vậy, không thể kết luận trẻ không có KN này.

### **Kỹ năng đi vệ sinh**

Phần đông trẻ 4-5 tuổi đi vệ sinh với sự giúp đỡ của người lớn, như kéo quần giúp, giặt nước, vệ sinh sau khi đi... Điều này cho thấy KN đi vệ sinh của trẻ chưa thực sự tốt, trẻ chưa nắm được quy trình đi và những việc cần phải làm, vẫn còn phụ thuộc nhiều vào người lớn. Bên cạnh đó, một số trẻ có thể tự giác đi được một cách gọn gàng, sạch sẽ và cũng có một số trẻ tự đi được khi có người nhắc. Với điều tra này, có 3 trẻ không tự đi được và người lớn giúp hoàn toàn. Với độ tuổi 4-5, đây được xem là những trường hợp đặc biệt, ở lớp những trẻ này thường xuyên đi trong quần và giáo viên phải giúp hoàn toàn. Trong quá trình điều tra, chúng tôi biết được những trẻ yếu ở KN này đa phần là những trẻ yếu ở những KN khác: tắm, đánh răng, chải tóc, rửa tay...

Như vậy, trẻ 4-5 tuổi trong phạm vi nghiên cứu thực hiện KNTPV trong vệ sinh cá nhân ở mức độ trung bình, nghĩa là hầu như trẻ thực hiện được với sự giúp đỡ, nhắc nhở của người lớn. Các KN này chưa thực sự bền vững và chưa trở thành thói quen hàng ngày được do trẻ thực hiện không đều đặn mà chỉ ở mức “thỉnh thoảng”.

### **3.2. Kỹ năng tự phục vụ trong ăn uống**

KN TPV trong ăn uống được thể hiện qua các công việc trước/trong/sau khi ăn, cụ thể như sau: chuẩn bị và dọn dụng cụ ăn, ăn, nấu ăn, uống nước, vệ sinh dụng cụ sau khi uống. Kết quả được thể hiện ở bảng 2.

Bảng 2. Kết quả đánh giá KNTPV trong ăn uống

| <b>Kỹ năng</b>                                                             | <b>Số lượng</b> | <b>Tỷ lệ (%)</b> | <b>Thứ bậc</b> |
|----------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------|----------------|
| <b>Kỹ năng chuẩn bị và dọn dụng cụ ăn</b>                                  |                 |                  |                |
| Tự soạn/dọn bàn ăn/dụng cụ ăn gọn gàng                                     | 4               | 6,7              | 3              |
| Soạn/dọn bàn ăn/dụng cụ ăn gọn gàng khi có người nhắc                      | 19              | 31,7             | 1              |
| Cùng người lớn soạn/dọn bàn ăn/dụng cụ ăn gọn gàng                         | 18              | 30,0             | 2              |
| Người lớn làm thay hoàn toàn                                               | 19              | 31,7             | 1              |
| <b>Kỹ năng ăn</b>                                                          |                 |                  |                |
| Tự ăn gọn gàng                                                             | 12              | 20,0             | 3              |
| Ăn gọn gàng nhưng cần người lớn giám sát                                   | 29              | 48,3             | 1              |
| Tự ăn nhưng rơi vãi nhiều                                                  | 13              | 21,7             | 2              |
| Người lớn cho ăn hoàn toàn                                                 | 6               | 10,0             | 4              |
| <b>Kỹ năng nấu ăn</b>                                                      |                 |                  |                |
| Làm tốt các công việc như đập/đánh trứng, nhặt/rửa rau...                  | 0               | 0                | 4              |
| Biết đập/đánh trứng, nhặt/rửa rau,... nhưng người lớn phải làm lại         | 6               | 10,0             | 3              |
| Tham gia vào các công việc đập/đánh trứng, nhặt/rửa rau,... khi có yêu cầu | 7               | 11,7             | 2              |
| Không tham gia vào công việc nấu ăn                                        | 47              | 78,3             | 1              |
| <b>Kỹ năng uống nước</b>                                                   |                 |                  |                |
| Tự rót và uống nước bằng cốc một cách gọn gàng                             | 38              | 63,3             | 1              |
| Tự rót và uống nước bằng cốc nhưng rơi vãi nhiều                           | 8               | 13,3             | 3              |
| Uống được bằng cốc nhưng cần sự giúp đỡ của người lớn                      | 14              | 23,3             | 2              |
| Không uống được bằng cốc                                                   | 0               | 0                | 4              |
| <b>Kỹ năng vệ sinh đồ dùng sau khi uống của trẻ</b>                        |                 |                  |                |

|                                                    |    |      |   |
|----------------------------------------------------|----|------|---|
| Tự rửa và đặt cốc đúng nơi quy định                | 10 | 16,7 | 3 |
| Rửa và đặt cốc đúng nơi quy định khi có người nhắc | 11 | 18,3 | 2 |
| Đặt đúng nơi quy định nhưng không rửa              | 25 | 41,7 | 1 |
| Không rửa và không đặt đúng nơi quy định           | 10 | 16,7 | 3 |
| Uống xong đưa cốc cho người lớn                    | 4  | 6,7  | 4 |

### ***Kỹ năng chuẩn bị và dọn dụng cụ ăn***

Từ những con số cụ thể, có thể thấy chuẩn bị và dọn dụng cụ ăn là một KN khó đối với trẻ 4-5 tuổi. Hầu hết trẻ soạn/dọn bàn ăn/dụng cụ ăn với sự giúp đỡ của người lớn, hoặc người lớn làm thay hoàn toàn, chỉ một số rất ít trẻ có khả năng tự soạn/dọn bàn ăn/dụng cụ ăn một cách gọn gàng. Khi nghiên cứu KN này, chúng tôi tiến hành quan sát trẻ vào giờ ăn ở trường mầm non thực hiện khảo sát, kết quả quan sát khác hẳn với kết quả thu được từ phiếu điều tra của phụ huynh: tất cả trẻ đều tham gia soạn/dọn bàn ăn/dụng cụ ăn, trẻ cùng nhau kê bàn ghế, tự mang thức ăn về chỗ ngồi của mình, ăn xong trẻ tự cất chén bát và bàn ghế. Phụ huynh cho biết, ở nhà trẻ thường ăn riêng nên dụng cụ ăn uống không nhiều, phụ huynh sẵn sàng giúp trẻ chuẩn bị và dọn dụng cụ ăn để công việc nhanh hơn, phụ huynh không yêu cầu và hình thành KN này cho trẻ. Từ đây có thể kết luận, việc hình thành KN chuẩn bị và dọn dụng cụ ăn của trẻ ở trường mầm non thực hiện rất tốt, tuy nhiên không được củng cố ở gia đình.

### ***Kỹ năng ăn***

Phần lớn trẻ 4-5 tuổi có thể tự ăn, tuy nhiên trẻ tự ăn với những mức độ khác nhau. Đa phần trẻ tự ăn gọn gàng dưới sự giám sát của người lớn. Có thể dễ hiểu vì trẻ thường không tập trung trong mọi chuyện, ăn uống cũng không là một ngoại lệ. Nhiều phụ huynh cho biết, trẻ tự ăn rất gọn gàng nhưng một lúc sau lại sa đà vào việc khác, không chú tâm ăn nữa, đến khi người lớn nhắc nhở mới chịu ăn. Tuy nhiên, số lượng trẻ tự ăn gọn gàng mà không cần người lớn giám sát cũng khá cao. Bên cạnh đó, vẫn có một số ít trẻ tự ăn nhưng rơi vãi nhiều hoặc phải để người lớn cho ăn hoàn toàn. Giáo viên đứng lớp của những trẻ này cho biết ở lớp trẻ ăn rất chậm so với các bạn, cuối buổi các cô phải tận tay dọn dẹp cho từng trẻ.

### ***Kỹ năng nấu ăn***

Ở KN này, hầu hết các trẻ đều không tham gia vào công việc nấu ăn. Bởi lẽ, đây là một công việc khó và không an toàn nên nhiều gia đình không muốn trẻ tham gia. Tuy nhiên, vẫn có một số ít trẻ tham gia vào các công việc nấu ăn đơn giản như đập/đánh trứng, nhặt/rửa rau,... khi được yêu cầu và kết quả công việc không cao, người lớn phải làm lại.

### ***Kỹ năng uống nước***

Nhận thấy đây là một KN không khó khi vận động tinh ở đôi bàn tay và cơ miệng trẻ 4-5 tuổi đã hoàn thiện. Các số liệu cho thấy, tất cả trẻ 4-5 tuổi đều có khả năng tự rót và uống nước bằng cốc, nhưng ở các mức độ khác nhau. Đa số trẻ có thể tự rót và uống nước bằng cốc một cách gọn gàng, chỉ có một tỷ lệ rất nhỏ trẻ uống bằng cốc nhưng rơi vãi nhiều và trẻ uống bằng cốc với sự giúp đỡ của người lớn, chẳng hạn cầm hộ cốc, rót nước giúp... Một yêu cầu sau khi uống xong là trẻ phải làm vệ sinh dụng cụ uống.

### ***Kỹ năng vệ sinh đồ dùng sau khi uống của trẻ***

Vệ sinh đồ dùng sau khi uống sẽ bao gồm cả công việc rửa sạch và đặt đúng nơi quy định. Số liệu cho thấy, gần một nửa số lượng trẻ 4-5 tuổi sau khi uống nước sẽ đặt cốc đúng nơi quy định nhưng không rửa. Nguyên nhân dẫn đến thực trạng này là do giáo viên và phụ huynh hoàn toàn. Số lượng trẻ tự rửa và đặt cốc đúng nơi quy định, rửa và đặt cốc đúng nơi quy định khi có sự nhắc nhở của người lớn, không rửa và không đặt đúng nơi quy định cũng khá lớn.

Đồng thời, tồn tại một số trẻ có thói quen uống xong đưa cốc cho người lớn, hoàn toàn không biết tự mình mang đi cất.

Nhìn chung, trẻ 4-5 tuổi trong phạm vi nghiên cứu đã hình thành đầy đủ các KNTPV trong ăn uống, đồng thời phát huy tốt các KN này: chuẩn bị và dọn dụng cụ ăn, ăn, uống, vệ sinh dụng cụ sau khi uống, tuy nhiên do tính chất không an toàn của công việc trẻ ít tham gia vào công việc nấu ăn. Mặc dù hình thành tốt nhưng nhận thấy trẻ chưa được củng cố các KN này khi ở nhà, cụ thể đối với KN chuẩn bị và dọn dụng cụ ăn, ở lớp trẻ thực hiện rất tốt nhưng ở nhà thì không.

### 3.3. Kỹ năng tự phục vụ trong trang phục

KNTPV trong trang phục được thể hiện qua các công việc cụ thể như sau: mặc/cởi quần, mặc/cởi áo, mang/cởi giày/dép. Kết quả được thể hiện ở bảng số liệu dưới đây.

Bảng 3. Kết quả đánh giá KNTPV trong trang phục

| Kỹ năng                                               | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Thứ bậc |
|-------------------------------------------------------|----------|-----------|---------|
| <b>Kỹ năng mặc/cởi quần</b>                           |          |           |         |
| Tự mặc/cởi quần có dây buộc gọn gàng                  | 4        | 6,7       | 4       |
| Tự mặc/cởi được quần có dây kéo gọn gàng              | 5        | 8,3       | 3       |
| Tự mặc/cởi quần lưng thun gọn gàng                    | 29       | 48,3      | 1       |
| Mặc/cởi được quần chỉ khi có người giúp               | 22       | 36,7      | 2       |
| Không mặc/cởi được quần, người lớn làm thay hoàn toàn | 0        | 0         | 5       |
| <b>Kỹ năng mặc/cởi áo</b>                             |          |           |         |
| Tự mặc/cởi được áo có cài nút gọn gàng                | 3        | 5,0       | 4       |
| Tự mặc/cởi được áo có dây kéo gọn gàng                | 5        | 41,7      | 1       |
| Tự mặc/cởi được áo chui đầu gọn gàng                  | 24       | 40,0      | 2       |
| Mặc/cởi được áo khi có người giúp                     | 25       | 8,3       | 3       |
| Người lớn mặc/cởi giúp hoàn toàn                      | 3        | 5,0       | 4       |
| <b>Kỹ năng mang/cởi giày/dép</b>                      |          |           |         |
| Tự mang/cởi được giày có dây buộc gọn gàng            | 4        | 6,7       | 4       |
| Tự mang/cởi được giày có miếng dính gọn gàng          | 20       | 33,3      | 2       |
| Tự mang/cởi được dép gọn gàng                         | 24       | 40,0      | 1       |
| Mang/cởi được giày/dép khi có người giúp              | 12       | 20,0      | 3       |
| Người lớn làm thay hoàn toàn                          | 0        | 0         | 5       |

#### **Kỹ năng mặc/cởi quần/áo**

Tất cả trẻ 4-5 tuổi đều có thể mặc/cởi được quần. Phụ thuộc vào sự phức tạp/đơn giản của từng loại quần, trẻ mặc/cởi được ở những mức độ khác nhau. Đa số trẻ tự mặc/cởi quần lưng thun gọn gàng hoặc mặc/cởi được quần khi có người giúp. Quần lưng thun là loại quần dễ mặc nên nhiều trẻ thực hiện được ở mức độ này là điều đương nhiên và dễ hiểu. Một số ít trẻ tự mặc/cởi được quần có dây buộc và dây kéo. Do đây là mức độ cao nhất của KN mặc quần, nó đòi hỏi sự khéo léo của đôi bàn tay và khả năng phối hợp nhịp nhàng giữa mắt và tay nên trẻ 4-5 khó đạt được mức độ này.

Tương đồng với KN mặc/cởi quần, KN mặc/cởi áo của trẻ 4-5 tuổi cũng đạt mức độ tương đương với mức độ thực hiện KN mặc/cởi quần, phụ thuộc vào mức độ khó/dễ của từng loại áo. Số lượng trẻ mặc/cởi áo chui đầu và mặc được khi có người giúp chiếm tỷ lệ cao, số lượng trẻ mặc/cởi áo có nút và dây kéo không nhiều. Khác với KN mặc/cởi quần, KN mặc/cởi áo đã có trẻ không tự cởi/mặc áo được, người lớn giúp hoàn toàn. Điều này chứng tỏ mặc/cởi áo khó thực hiện hơn mặc/cởi quần đối với trẻ ở lứa tuổi này, do khả năng kiểm soát và điều chỉnh các thao tác của trẻ bằng mắt sẽ gặp hạn chế trong quá trình thực hiện KN này.

### Kỹ năng mang/cởi giày/dép

Tất cả trẻ 4-5 tuổi đều mang/cởi được giày/dép nhưng với các mức độ khác nhau. Mức độ thực hiện của trẻ phụ thuộc vào sự khó/dễ của từng loại giày/dép. Đa phần trẻ tự mang/cởi được dép gọn gàng và tự mang/cởi được giày có miếng dính. Đây là hai mức độ có vẻ vừa sức đối với trẻ ở lứa tuổi này nên đa phần trẻ thực hiện được. Ngoài ra, có một số trẻ chỉ mang/cởi được giày/dép khi có người giúp. Khảo sát thực tế cho thấy những trẻ này thường không xác định được chân trái/chân phải và dép trái/dép phải, người lớn thường giúp trẻ trong việc xác định này. Mặc dù vậy, vẫn có một số trẻ tự mang/cởi được giày có dây buộc một cách gọn gàng, nhưng theo quan sát trẻ buộc dây rất chậm và đôi lúc bị lệch, không được ngay ngắn. Có thể nói, buộc dây là một KN khó đòi hỏi độ tinh xảo, khéo léo của đôi bàn tay và sự điều khiển của ánh mắt do đó đã gây không ít khó khăn cho trẻ ở độ tuổi này.

Trẻ 4-5 tuổi đã bước đầu hình thành những KNTPV cơ bản trong vệ sinh cá nhân, trong ăn uống và trong trang phục. Tùy độ khó/dễ ở mỗi KN cụ thể mà trẻ thực hiện ở các mức độ cao/thấp khác nhau. Nhìn chung, đa số trẻ có thể thực hiện được nhưng còn phụ thuộc vào người lớn (người lớn giúp một phần hoặc nhắc nhở), chẳng hạn trẻ tắm được khi được người lớn chuẩn bị áo quần, nước, xoa xà phòng,... trẻ mặc quần được khi có người lớn giữ hộ quần hay kéo dây kéo giúp,... Bên cạnh đó, tồn tại một vài nhóm trẻ phụ thuộc hoàn toàn vào người lớn (người lớn cho ăn hoàn toàn, tắm giúp hoàn toàn...), đồng thời cũng có một vài trẻ tự giác thực hiện KN rất tốt (tự giác đánh răng khi cần thiết, tự giác rửa tay, tự giác tắm...) nhưng chiếm tỷ lệ khá nhỏ trong tổng số trẻ.

### 3.4. Sự khác biệt kỹ năng tự phục vụ của trẻ 4-5 tuổi theo địa bàn nghiên cứu và giới tính

Đề tài nghiên cứu thuộc phạm vi ở 2 địa bàn trường Mầm non 2, thành phố Huế và trường Mầm non Hương Hồ, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Kiểm định phi tham số Mann - Whitney cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về KNTPV của trẻ giữa hai trường. Từ đó cho thấy việc trẻ sống ở nông thôn hay thành phố, học ở trường đạt chuẩn quốc gia hay trường chưa đạt chuẩn không chi phối đến sự phát triển tốt hay không tốt, cao hay không cao KNTPV của trẻ. Tuy nhiên, kết luận này chỉ có ý nghĩa trong phạm vi nghiên cứu của đề tài.

Kết quả nghiên cứu đã tìm thấy có sự khác biệt về giới tính ở 5 KN (chải tóc, đi vệ sinh, chuẩn bị và dọn dụng cụ ăn, ăn, chọn quần áo phù hợp với sự kiện, mặc/cởi quần) và tất cả đều cho kết quả KNTPV của nữ cao hơn KNTPV của nam. Sự khác biệt đó được trình bày cụ thể ở bảng 4 dưới đây:

Bảng 4. Sự khác biệt về KNTPV của trẻ 4-5 tuổi theo giới tính

| Kỹ năng                    | Nam  |      | Nữ   |      | Z       |
|----------------------------|------|------|------|------|---------|
|                            | Mean | SD   | Mean | SD   |         |
| Chải tóc                   | 2,36 | 1,37 | 3,43 | 1,10 | 3,232** |
| Đi vệ sinh                 | 2,30 | 0,83 | 2,86 | 0,86 | 2,539*  |
| Chuẩn bị và dọn dụng cụ ăn | 1,86 | 0,81 | 2,40 | 1,00 | 2,077*  |
| Ăn                         | 2,53 | 0,93 | 3,03 | 0,76 | 2,118*  |
| Mặc/cởi quần               | 2,60 | 0,72 | 3,10 | 0,88 | 2,408*  |

Ghi chú: \*\*  $P < 0,01$ ; \*  $P < 0,05$

Mặc dù tất cả 5 KN trên đều cho kết quả nữ cao hơn nam, nhưng trong đó KN chải tóc là KN có sự khác biệt rõ nét nhất (\*\*  $P < 0,01$ ). Có thể giải thích thực tế này là do động cơ nảy sinh khi thực hiện KN chải tóc gắn liền với nhu cầu cá nhân của trẻ nữ nhiều hơn trẻ nam. Trẻ nữ có nhu cầu thích làm đẹp cho mái tóc dài của mình như các mẹ, các chị,... trẻ nam thì không.

Mặt khác, đa số trẻ nam đều tóc ngắn, không cần chải nên không có nhiều cơ hội để hình thành KN này. 4 KN còn lại cũng cho kết quả nữ cao hơn nam nhưng mức độ cao hơn không nhiều. Vẫn có thể giải thích kết quả này dựa trên sự nảy sinh động cơ của trẻ. Có thể trẻ 4-5 tuổi chưa hình thành sở thích rõ ràng gắn với giới tính của mình, nhưng chắc chắn trẻ có xu hướng bắt chước hành động của những người cùng giới tính với trẻ: trẻ nữ sẽ bắt chước mẹ, bà, chị, trẻ nam sẽ bắt chước ba, ông, anh... Đây cũng có thể được xem là mầm mống của việc trẻ nữ có nhiều KN tốt hơn trẻ nam bởi trong gia đình phụ nữ thường làm những công việc tự phục vụ nhiều hơn đàn ông. Lối sống này ít nhiều sẽ ảnh hưởng một cách tự nhiên, không chủ định đến việc hình thành các KNTPV của trẻ.

#### 4. KẾT LUẬN

KNTPV là một vấn đề được nhiều người quan tâm nhưng ít có nghiên cứu nào mang tính chuyên sâu kể cả trong nước và trên thế giới. Về cơ bản, KNTPV gồm 3 nhóm nội dung chính: KNTPV trong vệ sinh cá nhân, KNTPV trong trang phục và KNTPV trong ăn uống. Nhìn chung, đặc điểm tâm - sinh lý của trẻ 4-5 tuổi đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự hình thành và phát triển nhóm KN này. Chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố chủ quan và khách quan như đặc điểm lứa tuổi, giới tính, trình độ nhận thức, những tác động từ phía gia đình, nhà trường và xã hội; do đó muốn hình thành KNTPV cho trẻ cần đến công tác giáo dục một cách khoa học.

Nhìn chung, KNTPV của trẻ 4-5 tuổi ở trường Mầm non 2 và trường Mầm non Hương Hồ đã được hình thành và đạt mức độ trung bình, tuy nhiên đa số trẻ còn phụ thuộc nhiều vào sự giúp đỡ của người lớn, khả năng tự giác chưa cao. Với phạm vi nghiên cứu của đề tài, đã có sự khác biệt KNTPV về giới tính ở một số KN thành phần với kết quả nữ cao hơn nam nhưng về địa bàn thì không tìm thấy sự khác biệt.

Từ những kết quả nghiên cứu trên, để nâng cao KNTPV cho trẻ 4-5 tuổi, cần thực hiện các biện pháp sau: (1) Thường xuyên tạo cơ hội để trẻ rèn luyện KN với yêu cầu ngày càng cao mức độ thực hiện KNTPV; (2) Cung cấp những tri thức, hiểu biết liên quan đến các KN bằng nhiều hình thức khác nhau như đàm thoại, trò chuyện hay thông qua hoạt động chung có mục đích học tập; (3) Tạo môi trường tốt để trẻ hình thành KNTPV một cách tự nhiên: cô giáo, bạn bè, cha mẹ đều là tấm gương để trẻ noi theo và hành động theo và (4) Nâng cao sự phối hợp giáo dục giữa gia đình và nhà trường, dạy ở lớp rèn luyện ở nhà và ngược lại.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Thị Thu Hằng (2011). Hiện trạng triển khai giáo dục kỹ năng sống trên thế giới và ở Việt Nam, *Tạp chí Giáo dục*, Kỳ 2 - 2/2011, Số 256, trang 24.
- [2] Nguyễn Thanh Bình (2011). *Giáo trình chuyên đề Giáo dục kỹ năng sống*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đinh Thị Kim Thoa, Phan Thị Thảo Hương (2010). *Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho trẻ mầm non*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [4] Lê Bích Ngọc (2013). *Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Nhechaeva (1979). *Giáo dục trẻ mẫu giáo trong lao động (Thảm Vũ Can dịch)*, NXB Giáo dục. Hà Nội.
- [6] Huỳnh Văn Sơn (2009). *Bạn trẻ và kỹ năng sống*, NXB Lao động - Xã hội.
- [7] Stephens K. (2003), *Self Help Skill and Chores Build Children's Identity and Confidence*, Exchange Press.
- [8] Nguyễn Quang Uẩn (2009), *Chuyên đề Hệ thống cơ sở lý luận cơ bản về kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống cho thiếu nhi thủ đô*, Đề tài NCKH cấp Nhà nước (01X - 06/03-2009-02), Thành đoàn Hà Nội.

**Title:** SELF - HELP SKILLS OF 4-5-YEAR-OLD CHILDREN

**Nguyen Tuan Vinh**

University of Education, Hue University  
*nguyentuanvinh@dhsphue.edu.vn*

**Nguyen Thi Thao**

An Hoa Kindergarten, Hue City  
*thaotaonguyen92@gmail.com*

**Abstract:** Self-help skills are one of the life skills that play an essential role for individuals, especially children aged 4-5 years. Research results on 60 4-5-year-old children in 2 kindergartens at Thua Thien Hue province show that the self-help skills of children have formed. Depending on the difficulty level at each skill, children perform at different levels. While there is no statistically significant difference by research places, the difference by gender found in some skills.

**Keywords:** Self-help skills, 4-5-year-old children, life skills education.

**NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ**

07 Hà Nội, Tp. Huế - Điện thoại: 0234.3834486; Fax: 0234.3819886

<http://nhaxuatban.hueuni.edu.vn>

---

**Chịu trách nhiệm xuất bản**

**Quyền Giám đốc:** TS. Trần Bình Tuyên

**Chịu trách nhiệm nội dung**

**Quyền Tổng biên tập:** TS. Nguyễn Chí Bảo

**Biên tập viên**

Ngô Văn Cường

**Biên tập kỹ thuật**

Tôn Nữ Quỳnh Chi

**Trình bày, minh họa**

Lê Văn Huy

**Sửa bản in**

Nhã Điền

---

**Đối tác liên kết xuất bản**

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế  
32-34 Lê Lợi, thành phố Huế

---

**KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA  
GIÁO DỤC MẦM NON  
TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0  
HUẾ, 09/03/2019**

**PROCEEDINGS OF THE NATIONAL SCIENTIFIC CONFERENCE:  
“PRE-SCHOOL EDUCATION  
IN THE FOURTH INDUSTRIAL REVOLUTION”  
HUE, MARCH 09, 2019**

In 100 bản, khổ 20.5x29.5cm tại Công ty TNHH MTV Thương mại, In và Dịch vụ Chiến Thắng, 05 Hà Nội, thành phố Huế. Số xác nhận đăng ký xuất bản: 609-2019/CXBIPH/01-06/ĐHH. Quyết định xuất bản số: 07/QĐ/ĐHH-NXB, cấp ngày 27 tháng 02 năm 2019. In xong và nộp lưu chiểu năm 2019.

ISBN: 978-604-974-119-7



**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM, ĐẠI HỌC HUẾ**

Địa chỉ: 34 Lê Lợi - Thành phố Huế  
Điện thoại: 0234. 3824224, Fax: 0234. 3824224  
Email: dhsphue@dhsphue.edu.vn

ISBN: 978-604-974-119-7



Giá: 155.000đ

Đơn vị tài trợ:

